

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hóa học;

Chuyên ngành: Kỹ thuật hóa học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ ĐÌNH NGỌ**

2. Ngày tháng năm sinh: 28/08/1966; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hải Lưu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Khu 10, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Vũ Đình Ngọ

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0989.771.666; E-mail: vudinhngo@vui.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1989 đến năm 1992: Giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Giáo viên, Trường Trung học Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 1992 đến năm 1993: Giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Giáo viên kiêm cán bộ kỹ thuật xưởng Cơ khí, Trường Trung học Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 1994 đến năm 2000: Giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Giáo viên, Phó Bí thư Đoàn Trường Trung học Hóa chất (Năm 1997 lên Trường Cao đẳng Hóa chất), nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2002 đến năm 2004: Giảng viên, Trưởng Bộ môn kiêm Chủ tịch Công Đoàn, Đảng Ủy viên Trường Cao đẳng Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2004 đến năm 2005: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Phó Trưởng phòng – Phụ trách phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Cao đẳng Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2005 đến năm 2006: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Phó trưởng Khoa – Quyền Trưởng khoa Công nghệ Silicat, Trường Cao đẳng Hóa chất, nay là, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2006 đến năm 2008: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Trưởng Khoa Công nghệ Vật liệu, Trường Cao đẳng Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2008 đến năm 2010: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Phó hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hóa chất, nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2011 đến năm 2014: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Từ năm 2015 đến nay: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác quản lý, Hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Chức vụ: Hiện nay: Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Địa chỉ cơ quan: Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ

Điện thoại cơ quan: 0210.3829.247

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 26 tháng 6 năm 2002, ngành Hóa học, chuyên ngành: Hóa Vô cơ

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 3 năm 2005; Chuyên ngành: Hóa vô cơ

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2012; Chuyên ngành: Hóa vô cơ

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày..... tháng..... năm....., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các vật liệu silicat chịu lửa ứng dụng trong công nghiệp
- Nghiên cứu tổng hợp một số vật liệu ứng dụng xử lý môi trường
- Nghiên cứu tách chiết một số hợp chất thiên nhiên và đánh giá khả năng ứng dụng của chúng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: là chủ nhiệm 07 đề tài, dự án NCKH (01 đề tài NCKH cấp Quốc gia, 05 đề tài cấp Bộ Công Thương, 01 dự án cấp tỉnh Phú Thọ);
- Đã công bố 52 bài báo KH, trong đó 7 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03; trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương lao động hạng 3 năm 2013;
- Nhà giáo ưu tú năm 2012;
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Công Thương năm 2015, 2018
- Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ năm: 2008, 2015 và nhiều Bằng khen, giấy khen khác.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Tiêu chuẩn:* Có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo, cụ thể

- + Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt;
- + Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm;
- + Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
- + Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

- *Nhiệm vụ: Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể*

+ Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đào tạo;

+ Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo;

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo;

+ Luôn tôn trọng, đối xử công bằng với sinh viên và học viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên và học viên;

+ Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho sinh viên và học viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 09 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			1	2	81		81/105/49
2	2015-2016			3	1	72		72/75/40,5
3	2016-2017		1		4	90		90/115/40,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1	2	36	36	72/95/40,5
5	2018-2019			1	3	36	36	72/105/40,5
6	2019-2020			1		36	36	72/115/40,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Giờ định mức của năm học 2014-2015 (Phó hiệu trưởng đến tháng 12/2014 được giảm trừ 80%, Hiệu trưởng từ tháng 1/2015 được giảm trừ 85%) là 49 giờ, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 (Hiệu trưởng được giảm trừ 85%) là 40,5 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải:

- Tham gia các khóa đào tạo bằng tiếng Anh:

Văn bằng	Tên khóa đào tạo	Nơi đào tạo	Thời gian đào tạo
Chứng nhận	Industrial Innovation Program	Electronics and Telecommunications Research Institute	19-31/3/2012
Chứng nhận	The Training Program on Establishing Pollution Control Manager System	The Overseas Human Resources and Industry Development Association (HIDA), Japan	10-25/12/2012
Chứng nhận	USA Trade Defense Laws and Policies Training Program	College of Extended & International Education	2018

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hà Quang Ánh	x			x	Từ năm 2014 đến năm 2016	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	15/11/2016
2	Ngô Quang Binh		x	x		Từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2015	Đại học KHTN - ĐHQGHN	15/3/2016
3	Nguyễn Thị Phuong		x	x		Từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2015	Đại học KHTN - ĐHQGHN	15/3/2016
4	Nguyễn Thị Minh		x		x	Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2015	Đại học Bách Khoa Hà Nội	6/1/2016
5	Lâm Hùng Sơn		x	x		Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2017	Đại học KHTN - ĐHQGHN	2/4/2018
6	Nguyễn Quang Tiến		x	x		Từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2019	Đại học Công nghiệp Việt Trì	15/12/2019
7	Nguyễn Việt Hưng		x	x		Từ tháng 5/2017 đến tháng 3/2020	Đại học KHTN - ĐHQGHN	22/5/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1							
II Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1	Hóa học đại cương II	GT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2016	2	x	85 - 240	Quyết định số 789A/QĐ- ĐHCNVT ngày 16/11/2016
2	Sinh thái học ứng dụng trong quy hoạch và quản lý môi trường	CK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2017	3		3 - 63	Quyết định số 558/QĐ- ĐHCNVT ngày 27/9/2017
3	Công nghệ lọc sinh học cải tiến trong xử lý nước thải bệnh viện	CK	Nhà xuất bản Thanh niên, 2019	6		3 - 38	Quyết định số 620/QĐ- ĐHCNVT ngày 13/9/2019

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	Tổng hợp Ferit MFe_2O_4 (với M là Ni và Co) bằng phương pháp hóa học ướt, nghiên cứu đặc trưng cấu trúc và từ tính	CN	Mã số: 101.09 RD Bộ Công Thương	1 ÷ 12/2009	Biên bản nghiệm thu ngày 26/12/2009/ Xếp loại xuất sắc
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
2	Nghiên cứu sử dụng đá ong Thanh Đình – Phú Thọ để hấp phụ kim loại nặng trong các nguồn nước bị ô nhiễm	CN	Mã số: 73.12 RD Bộ Công Thương	1 ÷ 12/2012	Biên bản nghiệm thu ngày 26/03/2013/ Xếp loại khá
3	Nghiên cứu chế tạo vật liệu chịu lửa cao alumin không nung bằng phương pháp hoạt hóa các liên kết tiếp xúc, ứng dụng chế tạo một số chi tiết lò công nghiệp	CN	Mã số: 033.14 RD Bộ Công Thương	1 ÷ 12/2014	Biên bản nghiệm thu ngày 14/01/2015/ Xếp loại xuất sắc
4	Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa Spinel sử dụng trong công nghiệp luyện thép	CN	Mã số: ĐTKHCN 188/15 Bộ Công Thương	1 ÷ 12/2015	Biên bản nghiệm thu ngày 19/01/2016/ Xếp loại xuất sắc
5	Nghiên cứu công nghệ tách chiết lignin và thu hồi sợi xenlulo từ rom rạ để ứng dụng sản xuất một số sản phẩm công nghiệp	CN	Mã số: ĐTĐL.CN-07/15 Cấp: Nhà nước	7/2015 ÷ 12/2017	Biên bản nghiệm thu ngày 18/4/2018/ Xếp loại đạt
6	Nghiên cứu kích thích phát triển quần thể vi sinh vật ứng dụng trong xử lý nước thải bằng muối của axit bis(oxymethyl)phosphinic	CN	Bộ Công Thương	1 ÷ 12/2016	Biên bản nghiệm thu ngày 27/02/2017/ Xếp loại xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
7	Nghiên cứu hoàn thiện dây chuyền công nghệ sản xuất nanocurcumin từ củ nghệ vàng tại Phú Thọ	CN	Mã số: 07/DA-CTUD.PT-2017 Cấp: Tỉnh Phú Thọ	10/2017÷ 10/2019	Biên bản nghiệm thu ngày 12/12/2019/ Xếp loại đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Xác định thành phần khoáng và nghiên cứu sử dụng cao lạnh Hũu Khánh (CLHK) để tổng hợp bột màu vô cơ	3		Tạp chí Khoa học (ĐHQGHN)/ ISSN: 0866-8612			19, 3, 57-62	2003
2	Tổng hợp cordierit từ cao lạnh và talc Phú Thọ	2		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Hóa vô cơ			115-120	2005
3	Điều chế niken ferit cấu trúc spinen kích thước nanomet bằng phương pháp thủy nhiệt	2		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			46, 2A, 182-187	2008
4	Tổng hợp niken ferit cấp hạt nano bằng phương pháp đồng kết tủa, nghiên cứu cấu trúc và tính chất từ	2	x	Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			46, 2A, 206-211	2008
5	Tổng hợp CoFe ₂ O ₄ cấp hạt nano bằng phương pháp đồng kết tủa, nghiên cứu cấu trúc và tính chất từ	2	x	Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			46, 2A, 212-218	2008

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
6	Tổng hợp coban ferit cấp hạt nano trong nền SiO ₂ bằng phương pháp sol - gel, nghiên cứu cấu trúc và từ tính của chúng	2	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			14, 1, 8-11	2009
7	Điều chế bột coban ferit cấu trúc spinen kích thước nano bằng phương pháp thủy nhiệt	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			15, 4, 293-296	2010
8	Tổng hợp NiFe ₂ O ₄ /SiO ₂ nano composit bằng phương pháp sol - gel, nghiên cứu cấu trúc và tính chất từ	3	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			16, 2, 55-59	2011
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
9	Ảnh hưởng của SiO ₂ hoạt tính siêu mịn đến độ chảy của bê tông chịu lửa ít xi măng	3	x	Tạp chí Công nghiệp hóa chất/ ISSN: 0866-7004			9, 28-33	2013
10	Ảnh hưởng của silica fume đến tính chất cơ học của bê tông chịu lửa ít xi măng	4	x	Kỷ yếu Hội nghị hóa học toàn quốc lần thứ VI			351-356	2013
11	Đặc trưng tính chất và khả năng phân hủy sinh học của composite trên cơ sở polyethylene và polyamide-6	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			19, 4, 1-9	2014
12	Tổng hợp, đặc trưng và khả năng loại bỏ asen trong nước của graphen oxit và nano composit Fe ₃ O ₄ /GO	11		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			52, 6A, 143-148	2014
13	Nghiên cứu tính chất cơ lý và cấu trúc của bê tông chịu lửa sử dụng chất kết dính keo silica	4	x	Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			53, 3E12, 84-88	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
14	Tổng hợp và đánh giá khả năng loại bỏ Cu(II) và Cd(II) trong nước của graphene oxit và nano composit Fe ₃ O ₄ /GO	5		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			53, 3E12, 279-284	2015
15	Nghiên cứu khả năng loại bỏ asen trong nước của nano composit Fe ₃ O ₄ /GO và Fe/Fe ₃ O ₄ /GO	6		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			53, 3E12, 285-291	2015
16	Nghiên cứu khả năng hấp phụ thuốc nhuộm RR195 trong dung dịch nước trên vật liệu graphene oxit và graphene	6		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			20, 4, 20-27	2015
17	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất của polysacarit tách chiết từ tảo sinh trưởng và phát triển tại ruộng lúa tỉnh Phú Thọ	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			20, 4, 171-176	2015
18	Nghiên cứu khả năng hấp phụ Cd(II) trong nước của nano composit Fe/Fe ₃ O ₄ /GO	6		Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ/ISSN: 0866-7411			4, 2, 132-138	2015
19	Tổng hợp vật liệu Pt ₃ Ni@Pt cấu trúc nano không đồng nhất với lõi là cấu trúc song tinh Pt ₃ Ni dạng thanh và vỏ Pt dạng cây cho hoạt tính xúc tác cao	4		Kỷ yếu Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 9 - SPMS2015			Quyển II, 664-667	2015
20	The Oxidation of Sulfur-Containing Compounds Using Heterogeneous Catalysts of Transition Metal Oxides Deposited on the Polymeric Matrix	5	x	Journal of Electronic Materials/ ISSN: 0361-5235 (print). 1543-186X (online)	ISI (IF: 1,676, 2018; Q2)	5	5, 45, 2316-2321	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
21	Enhanced Thermal Stability of Polylactide by Terminal Conjugation Groups	4	x	Journal of Electronic Materials/ ISSN: 0361-5235 (print). 1543-186X (online)	ISI (IF: 1,676, 2018; Q2)	5	5, 45, 2388-2394	2016
22	Effect of Acetate Group Content in Ethylene-Vinyl Acetate Copolymer on Properties of Composite Based on Low Density Polyethylene and Polyamide-6	6		International Journal of Polymer Science/ISSN: 16879430 (print), 16879422 (online)	Scopus (IF: 1,892, 2018, Q2)	2	2016, 1-8	2016
23	Heavy metal biosorption from aqueous solutions by algae inhabiting rice paddies in Vietnam	7		Journal of Environmental Chemical Engineering/ ISSN: 2213-3437	Scopus (IF: 4,02, 2018; Q1)	28	2, 4, 2529-2535	2016
24	Ảnh hưởng của cấp phối đến tính chất của bê tông chịu lửa siêu ít xi măng hệ Al_2O_3 - SiO_2 -SiC	4	x	Tạp chí Công nghiệp hóa chất/ISSN: 0866-7004			6, 39-44	2016
25	Nghiên cứu sự hình thành pha của xi măng chịu nhiệt chứa spinel từ nguyên liệu Việt Nam	4	x	Tạp chí Công nghiệp hóa chất/ ISSN: 0866-7004			7, 33-37	2016
26	Ảnh hưởng của dầu lanh đến tính chất của bê tông chịu axit từ cốt liệu quartzit Phú Thọ	3	x	Tạp chí Công nghiệp hóa chất/ ISSN: 0866-7004			8, 28-33	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
27	Thủy phân gamma oryzanol bằng phương pháp đồng dung môi và phân tích đồng thời các sản phẩm của phản ứng bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	6		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 1-10	2017
28	Nghiên cứu sự hình thành pha của hệ đolômit – hidroxid nhôm ở nhiệt độ cao	6	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 19-24	2017
29	Sự ảnh hưởng của các yếu tố tới quá trình tách cellulose và lignin từ rơm rạ bằng phương pháp kiềm	3	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 38-44	2017
30	Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật chịu mặn để xử lý ô nhiễm nền đáy tại Âu thuyền Thọ Quang, Đà Nẵng	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 52-59	2017
31	Đặc trưng tính chất của sợi cellulose và lignin tách từ rơm Phú Thọ	4	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 81-87	2017
32	Nghiên cứu khả năng kích thích vi sinh vật của muối guanibiphos trong xử lý hiếu khí nước thải phòng thí nghiệm	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 100-106	2017
33	Ảnh hưởng của phụ gia siêu dẻo lignosulfonat từ rơm rạ đến tính chất của bê tông chứa silica fume	5	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 119-125	2017
34	Nghiên cứu khả năng hấp phụ ion Chi và Đồng trên tảo <i>Spirulina platensis</i>	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 126-133	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
35	Tối ưu hóa quy trình tách cafein từ lá chè xanh bằng phương pháp hấp phụ chọn lọc	6		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 140-146	2017
36	Nghiên cứu khả năng kích thích vi sinh vật của muối guanibiphos trong xử lý nước thải dệt nhuộm	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			22, 1, 154-160	2017
37	Ảnh hưởng của phụ gia lignosulfonat từ rom rạ tới tính chất của vữa xi măng portland chứa tro bay	7	x	Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			55, 3e12, 225-229	2017
38	Nghiên cứu bê tông chịu lửa cách nhiệt nhẹ từ nguyên liệu tro xỉ than nhiệt điện	7		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			55, 3e12, 230-234	2017
39	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của một số yếu tố đến hình dạng và kích thước của hạt nano Pt	3		Kỷ yếu Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học Vật liệu toàn quốc - SPMS 2017			817-820	2017
40	Lignin and Cellulose Extraction from Viet Nam's Rice Straw using ultrasound-assisted alkaline treatment method	5	x	International Journal of Polymer Science/ISSN: 1687-9422 (print). 1687-9430 (online)	Scopus (IF: 1,892, 2018; Q2)	3	2017, 1-8	2017
41	Characterization of Polypropylene Green Composites Reinforced by Cellulose Fibers Extracted from Rice Straw	3	x	International Journal of Polymer Science/ISSN: 1687-9422 (print). 1687-9430 (online)	Scopus (IF: 1,892, 2018; Q2)	11	2018, 1-10	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
42	Oxi hóa pha lỏng các hợp chất sunfua vô cơ, sử dụng xúc tác bằng các oxit kim loại chuyển tiếp cố định trên nền polime áp suất cao	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ ISSN: 1859-4581			2018, 12, 76-82	2018
43	Nghiên cứu diễn biến chất lượng môi trường nước tại âu thuyền Thọ Quang	7		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 11-15	2019
44	Nghiên cứu chế tạo và đánh giá tính chất của ván ép thay thế một phần bột gỗ bằng cellulose tách từ rơm rạ	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 20-23	2019
45	Nghiên cứu hỗn hợp phun bắn chịu nhiệt từ nguyên liệu tro xỉ than nhiệt điện	7		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 38-42	2019
46	Ảnh hưởng của chất chống oxy hóa bisphenol-5 tới sự tăng trưởng gia cầm	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 72-75	2019
47	Nghiên cứu tổng hợp chất chống oxy hóa để tăng cường tính chất của cao su thiên nhiên	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 85-88	2019
48	Nghiên cứu loại bỏ hydro sulfua trong biogas bằng kỹ thuật ly tâm tốc độ cao	8		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 105-110	2019
49	Nghiên cứu ảnh hưởng tiền xử lý bùn bằng siêu âm lên khả năng hòa tan bùn, phân hủy yếm khí và thu hồi khí sinh học	8		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			24, 3, 118-122	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
50	Nghiên cứu thành phần hóa học và khảo sát hoạt tính sinh học của tinh dầu tía tô (<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt)	7		Tạp chí Dược học/ISSN: 0866-7861			521, 65-68	2019
51	Synthesis of antioxidant for natural rubber using new heterogeneous catalytic system	7		Chemical Papers/ ISSN: 03666352	Scopus (IF: 1,246, 2018, Q2)	1	73, 12, 3115-3121	2019
52	Nghiên cứu quy trình tách chiết tinh dầu bưởi trồng tại huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ	6		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			25, 1, 35-39	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Là Trưởng ban xây dựng đề án mở ngành Công nghệ sinh học theo Quyết định số 805/QĐ-ĐHCNVT ngày 31/12/2014; Trưởng Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sinh học theo Quyết định số 90/QĐ-ĐHCNVT ngày 06/03/2015;

- Là Trưởng ban xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 858/QĐ-ĐHCNVT ngày 31/12/2015 (14 chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì);

- Là Trưởng ban xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật hóa học theo Quyết định số 860/QĐ-ĐHCNVT ngày 31/12/2015.

- Là Trưởng ban xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 621/QĐ-ĐHCNVT ngày 12/09/2018.

- Chịu trách nhiệm xuất bản Đặc san Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHCNVT ngày 03/02/2015.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước
pháp luật.

Phủ Thọ, ngày 16 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Vũ Đình Ngộ